

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HS-ST

Ngày: 16-01-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Mai Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuận
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân L - Kiểm sát viên.

- Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa tại điểm cầu thành phần tại phòng họp Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Trà Vinh: Ông Đặng Văn Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn H T, Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày 03 tháng 5 năm 1999 tại huyện T, tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1975 (còn sống) và bà Nguyễn Thị M C, sinh năm 1980 (còn sống). Anh chị em ruột: Không có, Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền sự: 03 tiền sự: (Ngày 25/11/2022 bị Ủy ban nhân dân xã H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng công cụ kích điện để khai thác thủy sản, với số tiền 4.000.000 đồng, chưa nộp phạt, ngày 08/12/2022 bị Ủy ban nhân dân xã P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, với số tiền 2.500.000 đồng, nộp phạt ngày 11/4/2023, ngày 16/6/2023 bị Công an xã P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, với số tiền 1.500.000 đồng, nộp phạt ngày 09/8/2023); Tiền án: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 06/9/2023 đến ngày 11/9/2023

chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện T (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 1996 (Có mặt);

Nơi cư trú: Ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2/ Phạm Thị T2, sinh năm 1965 (Vắng mặt không có đơn xin vắng);

Nơi cư trú: Ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 25/8/2023, bị cáo Nguyễn H T gặp một người tên L, khoảng 30 tuổi tại quán cà phê thuộc huyện M, tỉnh B. Trong lúc ngồi uống nước, tên L cho bị cáo 01 (một) đoạn ống nhựa được quấn băng keo, màu đen bên trong là ma túy đá, nhằm mục đích cho bị cáo sử dụng thử để bị cáo giới thiệu người khác cho tên L bán ma túy đá. Sau đó, bị cáo đem về nhà của bị cáo cất giấu. Đến khoảng 20 giờ ngày 05/9/2023, bị cáo lấy ma túy cất giấu chiết ra cho vào 02 (hai) đoạn ống nhựa, mỗi đoạn chứa ít ma túy, số ma túy còn lại bị cáo hàn kín rồi quấn băng keo, màu đen lại và bị cáo đem cất giấu trong quần áo trên vách nhà bị cáo gần cửa ra vào.

Đến khoảng 06 giờ ngày 06/9/2023, bị cáo lấy 01 (một) đoạn ống nhựa, chứa nhiều ma túy có quấn băng keo, màu đen và 01 (một) đoạn ống nhựa, chứa ít ma túy cất giấu vào túi áo bị cáo đang mặc rồi bị cáo đi bộ đến nhà Nguyễn Hoàng T1, ngụ Ấp X, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Khi bị cáo đến nhà T1 thì T1 đang ngủ, bị cáo kêu T1 thức dậy nhưng do T1 mệt mỏi nên T1 tiếp tục ngủ. Khi đó, bị cáo ở phòng khách nhìn thấy có 01 (một) dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy của T1 để ở dưới bàn nước nên bị cáo tự ý lấy dụng cụ sử dụng trên, lấy 01 (một) đoạn ống nhựa, chứa ít ma túy bỏ vào nỏ để bị cáo sử dụng. Khi sử dụng gần hết ma túy thì Thạch N, ngụ ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh, điện thoại cho bị cáo rủ bị cáo đến nhà trọ T N thuộc ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh để nhậu. Sau khi nghe điện thoại xong, bị cáo hỏi mượn xe mô tô hiệu Honda, loại Winner, màu xanh đen, biển số 69L1-206.25 của T1, điều khiển trên đường nhựa thuộc ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh thì bị lực lượng Công an tiến hành kiểm tra, bắt quả tang bị cáo đang có hành vi tàng trữ 01 (một) đoạn ống nhựa, màu trắng được hàn kín, bên trong chứa nhiều hạt tinh thể rắn trong suốt, được quấn băng keo, màu đen bên ngoài, nghi là chất ma túy nên cơ quan Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Qua làm việc, bị cáo Nguyễn H T khai nhận số ma túy mà cơ quan Công an thu giữ chính là ma túy của bị cáo được đối tượng tên L ở khu vực huyện M,

tỉnh B cho bị cáo nhằm mục đích sử dụng. Đồng thời, qua test nhanh chất ma túy đối với bị cáo có kết quả dương tính chất ma túy.

Tại kết luận giám định số: 671/KL-KTHS ngày 09/9/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận: Tinh thể rắn trong suốt chứa trong 01 (một) đoạn ống nhựa, màu trắng, được niêm phong (ký hiệu A01), gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng là 0,2662 gam; Tinh thể rắn trong suốt chứa trong 01 (một) đoạn ống nhựa, màu trắng, được niêm phong (ký hiệu A05), gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng là 0,0718 gam. Tổng khối lượng ma túy là 0,338 gam.

Theo Cáo trạng số: 01/CT-VKSTC-HS ngày 13/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh đã truy tố bị cáo Nguyễn H T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn H T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố; thống nhất với kết quả giám định tại kết luận giám định số: 671/KL-KTHS ngày 09/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình tiến hành tố tụng tại cơ quan điều tra, truy tố, bị cáo không bị bức cung, không bị cưỡng ép, lời khai của bị cáo là tự giác, đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Qua tranh luận công khai, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ quyền công tố giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, kết luận bị cáo Nguyễn H T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết năng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, chưa có tiền án. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn H T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Về hình phạt: Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn H T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/9/2023. Đề nghị áp dụng khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải nộp số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì được dán niêm phong số: 671/M1 (trong phong bì niêm phong là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng còn lại sau giám định là 0,2457 gam);

- 01 (một) phong bì được dán niêm phong số: 671/M2 (trong phong bì niêm phong là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng còn lại sau giám định là 0,0676 gam);

- 01 (một) đoạn băng keo màu đen đã qua sử dụng.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cho cơ quan Thi hành án dân sự huyện T tiếp tục quản lý các tài sản của bị cáo Nguyễn H T để đảm bảo thi hành án gồm:

- 01 (một) điện thoại di động, hiệu Samsung Galaxy A20S, màu xanh, màn hình cảm ứng bị nứt nham nhở, có gắn sim 0939.651.783, số IME1 353248116578517/01 và số IME2 353249116578515/01 đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A02, màu đen, màn hình cảm ứng bị nứt nham nhở, có gắn sim 0343.653.922, số IME1 3513892280697221/01 và số IME2 352682488069724/01 đã qua sử dụng;

- Số tiền Việt Nam 220.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn H T thừa nhận hành vi phạm tội, không có tranh luận với quan điểm của Viện đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn H T là xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm hoà nhập cộng đồng trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được Thẩm phán thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan Phạm Thị T2, tuy nhiên trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã làm rõ hành vi của những người này và những người này đã có lời khai, bản tường trình đầy đủ, rõ ràng nên việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Thủy.

[2] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định.

[3] Về hành vi và tội danh của bị cáo Nguyễn H T:

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T đã khai hoàn toàn thừa nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như Cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định, phù hợp với bản tự khai, lời khai của người

có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo là người thành niên, có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết được việc tàng trữ chất ma túy là vi phạm, bị pháp luật cấm. Hành vi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp và xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước về các chất ma túy và được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo T có hành vi tàng trữ 0,338 gam ma túy (loại Methamphetamine), nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn H T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp lỗi cố ý trực tiếp. Ma túy là một trong những loại độc phẩm không chỉ tạo ảnh hưởng đặc biệt xấu đến sức khỏe, tinh thần thể chất và khả năng lao động của người sử dụng, mà còn là nguyên nhân gây tan vỡ hạnh phúc của nhiều gia đình, là nguyên nhân lây lan căn bệnh hiểm nghèo, sinh ra hành vi trộm cắp, cướp giật tài sản và nghiêm trọng hơn là giết người. Do đó pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy dùng vào việc sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo Nguyễn H T biết được, nhận thức được tác hại của ma túy cũng như pháp luật nghiêm cấm sử dụng chất ma túy nhưng để thỏa mãn lối sống cá nhân ích kỷ của mình, bị cáo đã lao vào con đường phạm tội. Hành vi này thể hiện ý thức xem thường pháp luật nên bị cáo phải bị chế tài của pháp luật và cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian, cho bị cáo một mức án nghiêm khắc hơn mới có đủ thời hạn để giáo dục bản thân bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Khi bị bắt bị cáo đã thật thà khai báo, bị cáo chưa có tiền án, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy cần thiết phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[7] Đối với người tên L đã cho (tặng) ma túy cho bị cáo Nguyễn H T do không biết họ tên và địa chỉ cụ thể nên không đủ cơ sở để xử lý; Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng T1 quá trình điều tra xác định thời gian trước, trong và sau khi Bị cáo T sử dụng ma túy tại nhà của T1 thì T1 hoàn toàn không biết nên không có cơ sở để xử lý.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Thị T2 quá trình điều tra xác định thời gian trước, trong và sau khi Bị cáo T sử dụng ma túy tại nhà của bà và Bị cáo T lấy tài sản của bà là xe mô tô, hiệu Honda, loại Winner, màu xanh đen, biển số 69L1-206.25 điều khiển đến khi bị cáo bị cơ quan điều tra bắt quả tang vào ngày 06/9/2023 thì bà hoàn toàn không biết nên không có cơ sở để xử lý.

[8] Về vật chứng và xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp:

Đối với 01 (một) phong bì được dán niêm phong số: 671/M1 (trong phong bì niêm phong là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng còn lại sau giám định là 0,2457 gam); 01 (một) phong bì được dán niêm phong số: 671/M2 (trong phong bì niêm phong là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng còn lại sau giám định là 0,0676 gam); 01 (một) đoạn băng keo màu đen đã qua sử dụng.

Đây là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu để tiêu hủy.

* Đối với vật chứng các loại là tài sản của bị cáo gồm:

01 (một) điện thoại di động, hiệu Samsung Galaxy A20S, màu xanh, màn hình cảm ứng bị nứt nham nhở, có gắn sim 0939.651.783, số IME1 353248116578517/01 và số IME2 353249116578515/01 đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A02, màu đen, màn hình cảm ứng bị nứt nham nhở, có gắn sim 0343.653.922, số IME1 3513892280697221/01 và số IME2 352682488069724/01 đã qua sử dụng; số tiền Việt Nam 220.000 đồng. Giao Cơ quan thi hành án dân sự huyện T tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[9] Xét thấy đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn H T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn H T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1, 5 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn H T 02 (hai) năm tù, thời hạn phạt tù được tính kể từ ngày 06/9/2023.

Buộc bị cáo Nguyễn H T nộp phạt số tiền 5.000.000 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về vật chứng và xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu để tiêu hủy:

- 01 (một) phong bì được dán niêm phong số: 671/M1 (trong phong bì niêm phong là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng còn lại sau giám định là 0,2457 gam);

- 01 (một) phong bì được dán niêm phong số: 671/M2 (trong phong bì niêm phong là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng còn lại sau giám định là 0,0676 gam);

- 01 (một) đoạn băng keo màu đen đã qua sử dụng.

* Giao cho Cơ quan thi hành án dân sự huyện T tiếp tục tạm giữ quản lý các tài sản của bị cáo để đảm bảo thi hành án gồm:

- Số tiền Việt Nam 220.000 đồng;

- 01 (một) điện thoại di động, hiệu Samsung Galaxy A20S, màu xanh, màn hình cảm ứng bị nứt nham nhở, có gắn sim 0939.651.783, số IME1 353248116578517/01 và số IME2 353249116578515/01 đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A02, màu đen, màn hình cảm ứng bị nứt nham nhở, có gắn sim 0343.653.922, số IME1 3513892280697221/01 và số IME2 352682488069724/01 đã qua sử dụng.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn H T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Sở Tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

- CC THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã P;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

Đã ký

